TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỦA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST
Ngày 04 - 5- 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Tòng Thị Lan
Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Dinh , ông Giàng A Tỉnh
- *Thư ký phiên tòa*: ông Nguyễn Trọng Thể - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa tham gia phiên tòa*: ông Lò Văn Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:
1 . Nguyên đơn: anh Lầu A C – Sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên/có mặt
2 . Bị đơn: chị Vừ Thị G (tên gọi khác: Vừ Thị H) – Sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên/có mặt
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Ngân hàng chính sách xã hội V. Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn S – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Điện Biên/vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên
- bà Ly Thị L (tên gọi khác: Lỳ Thị T) – sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên/có mặt
4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:
- ông Lầu Vảng D – sinh năm 1964/có mặt
- bà Ly Thị E – sinh năm 1965/có mặt
Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên
5. Người phiên dịch: ông Giàng A X – Sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên/có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn anh Lầu A C trình bày: anh và bị đơn chị Vừ Thị G chung sống với nhau từ năm 2008 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 17/4/2014. Quá trình chung sống do chị G không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình và không quan tâm, chăm sóc bố mẹ chồng, tuy hai bên gia đình góp ý nhưng chị G không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung thường xảy mâu thuẫn, nên vào tháng 7/2017 khi đi làm thuê anh đã có quan hệ tình cảm và công khai sống cùng với bà Giàng Thị Đ, chính quyền xã hòa giải nhưng không thành. Hai người sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với chị Vừ Thị G

Về con chung: Hai người có 03 con chung là Lầu Thị C – sinh ngày 20/7/2008; Lầu Thị D – sinh ngày 07/10/2010; Lầu A T – sinh ngày 23/11/2013, nguyên đơn yêu cầu được nuôi 03 đứa con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án bị đơn có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Về tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà gỗ 02 gian lợp danh làm từ năm 2012 có giá trị 1.000.000đồng; 24 cột nhà chưa sử dụng (trong đó: có 08 cột dài, mỗi cột dài 2,5 mét; 16 cột ngắn, mỗi cột dài 02 mét); 02 con trâu (trong đó: 01 con trâu cái lông màu đen, 07 tuổi, trị giá 20.000.000đồng; 01 con trâu đực, 03 tuổi, lông màu đen trị giá 13.000.000đồng. 01 con trâu đực 03 tuổi đã bán cho bà Ly Thị L với giá 13.000.000đồng, bà chang đã trả được 3.000.000đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng); Ngô tại nhà có 150 kg ngô hạt, tại đán nương khu vực S có 50kg ngô hạt; 01 chảo to; 01 xoong nhỡ; 02 xoong nhỏ; 02 thùng nhựa màu đỏ (trong đó: 01 thùng có khối lượng đựng 60 lít nước; 01 thùng có khối lượng đựng 10 lít nước); 01 ấm đun nước; 03 mảnh nương, 03 thửa đất ruộng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu được chia: 12 cột nhà (04 cột dài; 08 cột ngắn); 100 kg ngô hạt ; 01 chảo to; 01 xoong nhỏ; 01 con trâu cái; 01 thùng nhựa màu đỏ có khối lượng đựng 10 lít nước; giá trị chênh lệch ½ ngôi nhà 500.000đồng; 01 mảnh nương tại khu vực Đề Sớ và 03 thửa đất ruộng tại khu vực Háng Lồng Dê chia diện tích sử dụng trên thực tế theo quy định pháp luật; 02 mảnh nương tại khu vực K và khu vực H trả lại cho ông Lầu Vảng D và bà Ly Thị E, nguồn gốc 02 mảnh nương này là do ông Lầu Vảng D, bà Ly Thị E cho nguyên đơn, bị đơn mượn để canh tác.

Về nợ phải trả: Năm 2013 gia đình có vay Ngân hàng CSXH huyện C 15.000.000đồng. Mục đích vay để mua dê nuôi, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình; năm 2014 gia đình có nợ tiền mua trâu ông Lầu Vảng D, bà Ly Thị E cùng trú tại thôn N, xã P 10.000.000đồng, về giải quyết nợ chung, nguyên đơn đồng ý trả toàn bộ số tiền 15.000.000đồng cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội; Nguyên đơn yêu cầu chia đôi số nợ 10.000.000đồng mỗi người có trách nhiệm trả 5.000.000đồng cho ông D và bà E.

Trong các biên bản ghi ý kiến bị đơn chị Vừ Thị G đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của

nguyên đơn do bị đơn không có lỗi mà do nguyên đơn có hành vi ngoại tình nên mới muốn ly hôn; bị đơn có nguyện vọng được nuôi 03 đứa con chung và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng/con, phương thức cấp dưỡng là tháng; về tài sản chung nhất trí với số lượng và giá trị từng tài sản như trình bày của nguyên đơn và số nợ phải trả, nhưng bị đơn không đồng ý trả nợ cùng nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội V là ông Nguyễn Văn S có văn bản ý kiến về số nợ hiện nay của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ly Thị L nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về việc bà có mua 01 con trâu đực 03 tuổi trị giá 13.000.000đồng, bà đã trả trước cho nguyên đơn, bị đơn 3.000.000đồng, tại phiên tòa bà nhất trí theo sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn mỗi người có trách nhiệm trả cho bà 1.5000đồng và bà nhất trí trả lại 01 con trâu đực cho bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lầu Vảng D, bà Ly Thị E xác nhận về số nợ 10.000.000đồng, nguồn gốc 02 mảnh nương tại khu vực K, và khu vực H là do ông, bà cho gia đình nguyên đơn, bị đơn mượn để sử dụng canh tác. Nếu ly hôn yêu cầu trả lại 02 mảnh nương cho ông, bà, tại phiên tòa ông, bà nhất trí theo sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn, nguyên đơn có trách nhiệm trả cho ông, bà 10.000. 000đồng tiền mua trâu năm 2014.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2018 xác định số lượng tài sản như ý kiến trình bày của các bên gồm: 01 ngôi nhà gỗ 02 gian lợp danh làm từ năm 2012 trị giá 1.000.000đồng; 24 cột nhà chưa sử dụng (trong đó: có 08 cột dài, mỗi cột dài 2,5 mét; 16 cột ngắn, mỗi cột dài 2 mét); 02 con trâu; Ngô tại nhà có 150 kg ngô hạt, tại đán nương khu vực S có 50kg ngô hạt; 01 chảo to; 01 xoong nhỡ; 02 xoong nhỏ; 02 thùng nhựa màu đỏ (trong đó: 01 thùng có khối lượng đựng 60 lít nước; 01 thùng có khối lượng đựng 10 lít nước);01 ấm đun nước; 03 mảnh đất nương (trong đó: 02 mảnh tại khu vực H và khu vực K chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 mảnh tại khu vực Đ thuộc thôn Lầu C, xã P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 18, thửa đất số 13); 03 thửa đất ruộng tại khu vực L đã cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(trong đó: thửa số 01 thuộc tờ bản đồ địa chính số 62, thửa đất số 45; thửa số 02 thuộc tờ bản đồ địa chính số 62, thửa đất số 46; thửa số 03 thuộc tờ bản đồ địa chính số 62, thửa đất số 57). Tuy nhiên diện tích đất nương và diện tích 03 thửa đất ruộng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 167047có sự chênh lệch về diện tích sử dụng khi tiến hành xem xét thực địa trên thực tế.

Ngày 13/4/2018 bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lầu Vảng D, bà Ly Thị E, nộp đơn xin rút một phần yêu cầu giải quyết về chia 02 mảnh đất nương, trong đó: 01 mảnh tại khu vực K, 01 mảnh tại khu vực H, do hai bên đã tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, các bên giữ nguyên ý kiến về việc đã rút một phần yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn đồng ý ly hôn, nguyên đơn, bị đơn đã tự thỏa thuận được việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng

nuôi con, chia tài sản chung bằng hiện vật, bị đơn đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch ½ ngôi nhà 500đồng cho nguyên đơn, về khoản nợ ngân hàng, nợ ông Lầu Vảng D và bà Ly Thị E nguyên đơn đồng ý trả toàn bộ số nợ và lãi phát sinh đối với số nợ ngân hàng khi đến hạn phải trả. Mỗi người có trách nhiệm trả 1.500.000đồng cho bà Ly Thị L.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa đề nghị Tòa án khắc phục, rút kinh nghiệm vì đã không lập biên bản giao giấy triệu tập cho người làm chứng, chưa đóng dấu của Tòa án vào các biên bản giao nhận chứng cứ, chưa cho đương sự ký từng trang đối với biên bản lấy lời khai có nhiều trang rời, thông báo việc Tòa án thu thập chứng cứ lấy lời khai cho các đương sự biết; Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: công nhận thuận tình ly hôn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chăm sóc nuôi dưỡng con chung, giao cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lầu Thị C và Lầu A T; giao cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lầu Thị D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung. Đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung đối với: 01 mảnh đất nương tại khu vực K; 01 mảnh đất nương tại khu vực H do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút yêu cầu; chi phí xem xét thẩm tại chỗ bị đơn phải chịu 700.000đồng; Về án phí đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định.

[1] Về tố tụng: Trên cơ sở ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, HĐXX thấy Thẩm phán và Thư ký giải quyết vụ việc cần khắc phục, rút kinh nghiệm trong việc thu thập chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Nguyễn Văn S, xét thấy người này đã có văn bản ý kiến và sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

anh Lầu A C và chị Vừ Thị G tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, năm 2014 hai người thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc chị G không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình, không quan tâm, chăm sóc bố mẹ chồng và do nguyên đơn có hành vi ngoại tình, nên cuộc sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, hai người sống ly thân từ tháng 9/2017cho đến nay. Tại phiên tòa các bên thuận tình ly hôn, nên HĐXX thấy cần căn cứ theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thuận tình của các bên.

[3] Về chăm sóc nuôi dưỡng con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy hai người có 03 con chung, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận và thống nhất được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung, giao cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lầu Thị C, cháu Lầu A T; giao cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lầu Thị D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy các bên thỏa thuận được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện, do đó HĐXX cần căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của các bên.

[4] Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Tại phiên tòa các bên đã thống nhất được về đặc điểm, số lượng, giá trị từng tài sản và đã tự thỏa thuận được về việc chia tài sản chung, giải quyết nợ chung, HĐXX thấy sự thỏa thuận của các bên phù hợp với Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của mỗi bên, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

4.1. Về chia tài sản chung:

- Chia cho nguyên đơn: 12 cột nhà chưa sử dụng, gồm có: 04 cột dài, mỗi cột dài 2,5m; 08 cột ngắn, mỗi cột dài 02m; 100 kg ngô hạt; 01 chảo to; 01 xoong nhỏ; 01 thùng nhựa màu đỏ có khối lượng đựng 10 lít nước; giá trị chênh lệch ½ ngôi nhà 500.000đồng; 01 con trâu cái, 07 tuổi, lông màu đen trị giá 20.000.000đồng; 3217,5 m^2 đất nương thuộc tờ bản đồ địa chính số 18, thửa đất số 13 tại khu vực S; 01 thửa đất ruộng thuộc tờ bản địa chính số 62, thửa đất số 57 diện tích sử dụng 278,2m^2 tại khu vực Đ; diện tích 140,25m^2 , phía tây rộng 04m, phía đông rộng 07m, thuộc tờ bản đồ địa chính số 62, thửa đất số 46 tại khu vực Đ.

- Chia cho bị đơn: 12 cột nhà chưa sử dụng, gồm có: 04 cột dài, mỗi cột dài 2,5m; 08 cột ngắn, mỗi cột dài 02m; 100 kg ngô hạt (bị đơn đã lấy trước 50 kg ngô hạt), nên bị đơn còn 50kg ngô hạt; 01 xoong nhỡ; 01 xoong bé; 01 ấm đun nước; 01 thùng nhựa màu đỏ có khối lượng đựng 60 lít nước; 01 ngôi nhà gỗ 02 gian lợp danh làm từ năm 2012 trị giá 1.000.000đồng; 01 con trâu đực, 03 tuổi, lông màu đen trị giá 13.000.000đồng; 3217,5 m^2 đất nương thuộc tờ bản đồ địa chính số 18, thửa đất số 13 tại khu vực S; 01 thửa đất ruộng thuộc tờ bản đồ địa chính số 62, thửa đất số 45 diện tích sử dụng 265,8m^2 tại khu vực Đ ; diện tích 140,25m^2 , phía tây rộng 04m, phía đông rộng 07m, thuộc tờ bản đồ địa chính số 62, thửa đất số 46 tại khu vực Đ. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán trị giá chênh lệch ½ ngôi nhà cho nguyên đơn 500.000đồng.

- HĐXX chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung đối với 02 mảnh đất nương do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút yêu cầu giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của BLTTDS năm 2015.

4.2. Về giải quyết nợ chung:

- Nguyên đơn có trách nhiệm: trả Ngân hàng CSXH huyện C 15.000.000đồng và lãi phát sinh khi đến hạn; trả 1.500.000đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Ly Thị L; trả 10.000.000đồng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lầu Vảng D và bà Ly Thị E.

- Bị đơn có trách nhiệm trả trả 1.500.000đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Ly Thị L.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn chị Vừ Thị G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 700.000đồng, bị đơn đã nộp đủ.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí; Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 55, khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1 Điều 37; Điều 59; Điều 62 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều 213, 219, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lầu A C và chị Vừ Thị G

2. Về chăm sóc nuôi dưỡng con chung**:** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

- Giao cho anh Lầu A C chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Lầu Thị C – sinh ngày 20/7/2008 và Lầu A T – sinh ngày 23/11/2013.

- Giao cho chị Vừ Thị G nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lầu Thị D – sinh ngày 07/10/2010. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

- Chia cho nguyên đơn: 12 cột nhà, gồm có: 04 cột dài, mỗi cột dài 2,5m; 08 cột ngắn, mỗi cột dài 02m; 100 kg ngô hạt; 01 chảo to; 01 xoong bé; 01 thùng màu đỏ có khối lượng đựng 10 lít nước; giá trị chênh lệch ½ ngôi nhà 500.000đồng; 01 con trâu cái, 07 tuổi, lông màu đen trị giá 20.000.000đồng; 3217,5 m^2 đất nương thuộc tờ bản đồ địa chính số 18, thửa đất số 13 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 167 047, phía bắc giáp đất nương ông Lầu A T1, dài 34m, phía đông giáp đất bị đơn Vừ Thị G, phía nam giáp đất nương ông Ly Súa K, dài 65m, phía tây giáp đất nương ông Lầu Vảng D, rộng 80m tại khu vực S thuộc thôn Lầu C, xã P, huyện C; 01 thửa đất ruộng thuộc tờ bản địa chính số 62, thửa đất số 57 diện tích sử dụng 278,2m^2, phía tây giáp đất nương ông Vừ A C, rộng 07m, phía nam giáp đất ông Lý Sái S, dài 27,5m, phía đông giáp khe suối, rộng 14m, phía bắc giáp thửa số 46, tờ bản đồ địa

chính số 62 dài 25,5m; diện tích 140,25m^2 thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ địa chính số 62: phía bắc giáp diện tích đất của bị đơn thuộc thửa số 46, tờ bản đồ địa chính số 62, phía tây giáp đất ông Vừ A C rộng 04m, phía nam giáp thửa số 57 của nguyên đơn dài 25,5m, phía đông giáp khe suối, rộng 07m thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 167 047 tại khu vực H thuộc thôn N, xã P, huyện C.

- Chia cho bị đơn: 12 cột nhà, gồm có: 04 cột dài, mỗi cột dài 2,5m; 08 cột ngắn, mỗi cột dài 02m; 100 kg ngô hạt (bị đơn đã lấy trước 50 kg ngô hạt), nên bị đơn còn 50kg ngô hạt; 01 xong nhỡ; 01 xong bé; 01 ấm đun nước; 01 thùng nhựa màu đỏ có khối lượng đựng 60 lít nước; 01 ngôi nhà gỗ 02 gian lợp danh làm từ năm 2012 có trị giá 1.000.000đồng; 01 con trâu đực, 03 tuổi, lông màu đen trị giá 13.000.000đồng; 3217,5 m^2 đất nương thuộc tờ bản đồ địa chính số 18, thửa đất số 13, phía bắc giáp đất nương ông Lầu A T1, dài 34m, phía tây giáp đất của nguyên đơn Lầu A C, phía nam giáp đất ông Lý Súa K, dài 65m, phía đông giáp đường dân sinh, rộng 50m; 01 thửa đất ruộng thuộc tờ bản đồ địa chính số 62, thửa đất số 45 diện tích sử dụng 265,8m^2, phía bắc giáp đất ông Lầu A T1, dài 25m, phía tây giáp đất ông Vừ A C, rộng 10,7m, phía nam giáp thửa đất số 46, tờ bản đồ địa chính số 62, dài 24 m, phía đông giáp khe suối, rộng 11m; diện tích 140,25m^2 thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ địa chính số 62: phía tây giáp đất ông Vừ A C, rộng 04m, phía bắc giáp thửa đất số 45 của bị đơn, dài 25,5m, phía nam giáp đất nguyên đơn anh Lầu A C, phía đông giáp khe suối, rộng 07m thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 167047 tại khu vực H thuộc thôn N, xã P, huyện C. Buộc bị đơn phải thanh toán trị giá chênh lệch ½ ngôi nhà cho nguyên đơn 500.000đồng.

Về quyền sử dụng đất: Nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với diện tích đất sử dụng trên thực tế và làm thủ tục tách quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

- Buộc anh Lầu A C phải trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tủa Chùa số tiền 15.000.000đồng và lãi phát sinh khi nợ đến hạn và Ngân hàng CSXH có yêu cầu

- Buộc anh Lầu A Cầu phải trả số tiền 10.000.000đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Lầu Vảng D – SN 1964, bà Ly Thị E– SN 1965; Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Buộc anh Lầu A C phải trả 1.500.000đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Ly Thị L – SN 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Buộc chị Vừ Thị G phải trả trả 1.500.000đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Ly Thị L – SN 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án nếu người có nghĩa vụ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn chị Vừ Thị G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 700.000đồng, bị đơn đã nộp đủ.

6. Về án phí: Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch cho các đương sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/5/2018), đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:
- VKSND huyện Tủa Chùa;
- Phòng KTNV&THATòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Tủa Chùa;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA**.**

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tòng Thị Lan